TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đinh Cường

2. Ông Cao Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Phạm Lê Trí T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 04/5/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Vào năm 2013 chị T và anh T qua quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 17/01/2014. Vợ chồng chung

sống có 01 con chung tên Phạm Hiếu Thảo, sinh ngày 12/01/2014, hiện cháu Thảo đang do anh T nuôi dưỡng.

Sau khi kết hôn chị T và anh T sinh sống cùng với gia đình của anh T ở ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long được một thời gian. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên gây cãi, nên chị T và anh T đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay chị T cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Lê Trí T.

- Về con chung: Chị T tự nguyện giao con chung Phạm Hiếu T, sinh ngày 12/01/2014 cho anh Phạm Lê Trí T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/5/2022, anh Phạm Lê Trí T trình bày:

Hiện nay do công việc của anh T bận rộn nên không thể trực tiếp tham gia vụ án được. Vì vậy, anh T làm đơn này đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của tòa và xin được vắng mặt trong tất cả phiên xử của tòa. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: giữa anh và chị T thì không có bất kỳ tài sản nào chung.

- Về con chung: giữa anh T và chị T có 01 con chung là Phạm Hiếu T, sinh ngày 12/01/2014.

Anh T và chị T đã không còn sống chung với nhau 06 năm qua, cháu Thảo thì hiện nay ở với anh T. Cả hai thống nhất với nhau là cháu T ở với anh T. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T yêu cầu chấp thuận cho cả hai được ly hôn.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của con, con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn cháu Phạm Hiếu Thảo, sinh ngày 12/01/2014 trình bày: Cháu là con chung của ông Phạm Lê Trí T và bà Nguyễn Thị Cẩm T, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó

Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị T và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Mang Thít. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Chị T cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị T và anh T đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T cũng thừa nhận anh T và chị T đã không còn chung sống 06 năm qua và yêu cầu được chấp thuận cho cả hai được ly hôn. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T tự nguyện giao con chung Phạm Hiếu T, sinh ngày 12/01/2014 cho anh Phạm Lê Trí T tiếp tục nuôi dưỡng; anh T cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T; xét cháu Thảo hiện do anh T nuôi dưỡng, đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với anh T. Do đó, giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với bị đơn anh Phạm Lê Trí T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Hiếu T, sinh ngày 12/01/2014 cho bị đơn anh Phạm Lê Trí T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0007039, ngày 14/4/2022. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã An Phước (2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích